

Số: 04/2018/QĐST-DS.

Đắk Hà, ngày 06 tháng 02 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 01 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/ TLST-DS, ngày 22 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4B, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum.

Bị đơn: Chị Đoàn Thị L, sinh năm 1977 và anh Võ Ngọc S, sinh năm 1973.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố 6, thị trấn Đ, huyện H, tỉnh Kon Tum.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Chị Đoàn Thị L và anh Võ Ngọc S phải trả phải trả cho ông Lê Văn T số tiền 139.341.024 đồng (*Một trăm ba mươi chín triệu ba trăm bốn mươi một ngàn không trăm hai bốn đồng*). Trong đó số tiền gốc là 121.945.000 đồng (*Một trăm hai mươi một triệu chín trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*), số tiền lãi là 17.396.024 đồng (*Mười bảy triệu ba trăm chín mươi sáu ngàn không trăm hai mươi bốn đồng*).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015: Kể từ khi quyết định này được ban hành, ông Lê Văn T (bên được thi hành án) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đoàn Thị L và anh Võ Ngọc S (bên phải thi hành án) không chịu trả số

tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được tính như sau:

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

***Về án phí dân sự sơ thẩm:** Áp dụng Khoản 3 Điều 144; Khoản 3, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6; điểm b khoản 1 Điều 24; Khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Đoàn Thị L và anh Võ Ngọc S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.483.525 đồng (*Ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*).

Ông Lê Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 3.483.525 đồng (*Ba triệu bốn trăm tám mươi ba ngàn năm trăm hai mươi lăm đồng*) ông T đã nộp theo biên lai số AA/2010/0009319 ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum.

3.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4.Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án .

THẨM PHÁN

Đoàn Thị Kim Anh

